

NẾP KHÔNG GIAN TRONG TRUYỆN CỔ BRU - VÂN KIỀU

Đàm Nghĩa Hiếu

Nhận bài:

28 – 07 – 2015

Chấp nhận đăng:

01 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Tóm tắt: Truyện cổ là một chỉ dấu lịch sử và văn hóa tộc người. Khảo sát nếp không gian trong truyện cổ Bru - Vân Kiều sẽ góp phần lí giải cách thức lựa chọn tổ chức sống của tộc người trong quá khứ. Điểm uốn - con nước; biên khép vòng - rừng và vùng đệm núi thấp, đồi cao, rẫy, nương, khe, vực; cùng trường nhiều Mường Lộc, Mường Lùm đã kết thành thế giới Bru - Vân Kiều trong truyện cổ. Đây là điểm khởi đầu cho những nghiên cứu đối chiếu mà chúng tôi có dự định sẽ thực hiện sau này, nhằm tìm hiểu quá trình đổi thay và trầm tích của một Bru - Vân Kiều sống ở bụng rừng Trường Sơn.

Từ khóa: nếp không gian; truyện cổ Bru - Vân Kiều; con nước; rừng; núi; khe vực.

1. Giới thiệu

Không có sự hiện diện nào là tự thân. Mỗi hiện diện là một chiếc gương, để lưu giữ hình ảnh của những hiện diện khác. Chúng ta có mặt là để đi tìm nhau. Vì sự ngẫu nhiên duyên, chúng tôi đi tìm người Bru - Vân Kiều bằng những câu chuyện cổ.

Con người là những giả thuyết. Tộc Bru - Vân Kiều là những giả thuyết. Những giả thuyết đầu tiên về tộc người bao giờ cũng ẩn mình trong những câu chuyện cổ xưa với màn giảng huyền ảo. Đó là một thế giới đã qua, với nhiều đứt gãy. Trên màn ngăn quá khứ, có những hiện diện chồng xếp lên nhau, tạo thành ám ảnh. Nơi con người hình dung được hiện diện mình là vương mắc trước nhất và dai dẳng nhất đối với bất kì ai. Nỗ lực diễn giải trở thành lựa chọn tổ chức sống. Tùy vào hình ảnh được thiết lập mà không gian gấp nếp, uốn cong theo kết cấu năng lượng của nhóm, tộc.

Đi tìm trong truyện cổ Bru - Vân Kiều những dấu vết không gian là đi tìm một quá trình sống với những biến động đã hoàn tất, để thông hiểu hiện tại và vững lòng đón nhận vị lai. Nếp gấp theo lực hút của cổ mẫu nước đã khép vòng không gian xã hội Bru - Vân Kiều, không gian của rừng đại ngàn và những ngọn nước.

2. Nếp không gian

2.1. Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát 9 truyện cổ của tộc Bru - Vân Kiều dựa trên ý tưởng “hố không gian”¹. Ngoài mọi giới hạn, không gian là một cấu trúc đồng nhất và hoàn hảo [11, tr.450-457].

Trong những giới hạn, không gian, theo nghĩa rộng nhất, có thể hiểu, theo ý của Jean Chevalier, là nơi chứa đựng tất cả những gì có thể xảy ra, tượng trưng cho trạng thái hỗn mang, tượng trưng cho vũ trụ, cho thế giới đã được tổ chức và những tiềm năng [8]. Đó là một

¹Hố không gian hay lỗ đen vũ trụ hình thành do trường hấp dẫn của khối vật chất lớn trong vùng không - thời gian nhỏ. Qua các diễn giải Vật lí từ Albert Einstein đến Stephen Hawking, hố không gian được minh định với những ý tưởng khác. Trong đó, hố không gian được “nhìn thấy” từ trạng thái đóng, đến trạng thái nhiễu và trạng thái giải phóng thông tin [1], [15].

cấu trúc vô biên khép kín có khả năng giãn nở (ý tưởng của A. Einstein được diễn giải trong Arthur Zajonc, 2012). Thu hẹp đến phạm vi thế giới người, không gian là khoảng xác định chứa đựng loài người (và các sinh vật khác) cùng những hoạt động tự thân và các tương tác với siêu nhiên, với tự nhiên, với môi trường, với cộng đồng nhằm tìm kiếm, thiết lập, tổ chức và duy trì cuộc sống.

* Liên hệ tác giả

Đàm Nghĩa Hiếu

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: damhieus90@gmail.com

2.2. Mỗi một hiện diện (dù là con đẻ của không - thời gian) với vai trò một cấu trúc lực hấp dẫn sẽ làm cho không gian cùng với thời gian bị “uốn cong”, phá vỡ cấu hình ban đầu, tạo nên một trật tự mới, phức tạp hơn. Điểm hiện diện, về sau, trở thành tâm nếp gấp. Khi lực hấp dẫn đủ lớn trong một phạm vi không gian nhất định, không gian đó sẽ trở thành hố đen [1], [15]. Nó thu hút và cô lập vật chất. Tuy nhiên, từ những năm 1970, Stephen Hawking đã đưa ra ý tưởng *khác*, rằng thông tin/ hay vật chất, có thể thoát ra khỏi hố đen từ chân trời sự kiện. Điều này đem lại một liên tưởng với sự xoay chiều của lí thuyết “trung tâm và ngoại vi” trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa.

Quá trình gấp nếp không gian quy chiếu từ vũ trụ vào tổ chức tự nhiên, từ tổ chức tự nhiên vào tổ chức xã hội. Khi xã hội thiết lập được kết cấu tinh thần/ văn hóa sẽ tạo được “lực hấp dẫn” đủ lớn, “hố đen” hình thành, trong đó, không gian và thời gian “uốn cong”, tạo nên quyền lực tự trị. Một dạng điển hình của quyền lực tự trị xã hội là sự hình thành nhóm, tộc. Mọi hoạt động nhằm tìm kiếm và lựa chọn cách thức tổ chức cuộc sống vận hành theo quỹ đạo tâm hấp dẫn của căn cước tộc người.

2.3. Không gian xã hội, theo Claude Lévi - Strauss, là “cách thức những hiện tượng xã hội được phân bố trên bản đồ và những sự ràng buộc của sự phân bố đó” [4, tr.14]. Mở rộng giới hạn so với quan điểm của Claude Lévi - Strauss, Georger Condominas đề nghị định nghĩa “không gian xã hội là cái không gian được xác định bởi tập hợp các hệ thống quan hệ đặc trưng cho một nhóm người nào đó” [4, tr.16].

Không gian xã hội Bru - Vân Kiều được xác định trong bài viết này là quỹ cư trú, mà trong đó, diễn ra mọi hoạt động tương tác giữa cá nhân với cộng đồng và với tự nhiên. Hiện diện Bru - Vân Kiều là một trường năng lượng “roi” vào “lưới không gian”, tạo lực hút, làm uốn cong không gian, và kiến tạo một thế giới Bru - Vân Kiều. Đây là liên tưởng có được khi chúng tôi đọc truyện cổ Bru - Vân Kiều trong sự tham chiếu của những “mơ mộng vũ trụ”. Một Bru - Vân Kiều hiện diện bằng những câu chuyện cổ sống trong không gian nội vi của những cánh rừng và nương mình theo con nước. Đó là một Bru - Vân Kiều biệt lập trong niềm mơ những chân trời *khác*.

3. Điểm uốn - con nước - nền định vị không gian xã hội Bru - Vân Kiều

Như một diễn giải đồng dạng với trường hấp dẫn, biểu tượng *con nước* trong truyện cổ Bru - Vân Kiều chiếm giữ năng lực cấu trúc không gian xã hội tộc người.

L luận bàn về “nguồn gốc”, Thalès, một triết gia Hi Lạp tiền Socrates, đã đề xuất nguyên tố khởi đầu và cơ bản của tự nhiên là nước. Claro R. Ceniza và Romualdo E. Abulad thì cho rằng nước là nơi khởi đầu, là nguồn duy trì, phát sinh và hóa kiếp sự sống [2]. Triết lí Phương Đông cũng dành lòng sùng bái và ngưỡng vọng về nguồn nước. Theo Rachel Storm, cư dân Phương Đông xem nước là chứng nhân của cội nguồn (truyện kể về nạn hồng thủy), là không gian linh thiêng mang quyền lực thanh tẩy và hóa sinh [9]. Theo tư duy dân gian vùng Đông Nam Á, vùng nông nghiệp trồng lúa (chủ yếu là lúa nước) và gió mùa, nước là một biểu tượng phồn thực; là yếu tố quyết định, điều phối tổ chức và sự ổn định, liên kết, thống nhất trong một cộng đồng (ý của Nguyễn Tấn Đắc, 2010).

Con nước trong truyện cổ Bru - Vân Kiều cùng những biến thể như *dòng nước*, *dòng sông*, *sông xanh*, *con nước khe*, *con khe rộng* là một ám tượng. Đó là lực hút mãnh liệt kết dính mọi yếu tố tạo sinh một không gian xã hội; là điểm uốn, làm không gian bắt đầu bị bẻ cong, và dần dần khép vòng, tạo nên một thế giới Bru - Vân Kiều. Cũng giống như những người sống về phía núi Trường Sơn, tộc Bru - Vân Kiều tìm thấy định vị mình từ những dòng sông; và nhận diện nhau qua nguồn nước uống [3]. Những dòng sông vắt ngang qua núi, chảy hướng Tây - Đông trở thành dấu chỉ không gian tộc người. Bru - Vân Kiều dừng bước miên du giữa đại ngàn Trường Sơn, soi mình vào *con nước* để biết cách tồn sinh.

Người Bru - Vân Kiều là cư dân Đông Nam Á, nhưng vì sống ở vùng núi rừng nên chủ yếu làm rẫy khô, hoàn toàn dựa vào nguồn mưa tự nhiên. Những dòng nước lớn, mà họ gọi là *con nước*, ngoài quyền năng định vị và tổ chức không gian xã hội, đã đem lại cho họ nước uống, thức ăn (*Nguồn gốc loài người*); đưa họ đi về trên những chặng đường xa (*Anh Ra - xít*) và bảo vệ đời sống (*Truyện thuyết Dakrong*). Nguồn nước trong thế giới Bru - Vân Kiều vẫn sống với cuộc đời tự do nguyên thủy. Người Bru - Vân Kiều không hề có ý tưởng kiểm soát *con nước* như cư dân trồng lúa nước. Họ sống với nước bằng lòng tôn quý, ngưỡng vọng và xin từ *con nước* những ân huệ (xem Bảng 1).

Bảng 1. Con nước trong truyện cổ Bru - Vân Kiều

(T)	Yếu tố	(n)	Chức năng
1	Dòng nước	1	Thức ăn (cá), nước uống
	Sông không bờ	4	Định vị lãnh địa các tộc
	Sông	1	Sinh kế
2	Dòng sông	2	Bảo vệ tình yêu và cuộc sống của tộc người
3	Con nước	3	Định vị bản làng
4	Sông xanh	1	Cách trở địa phủ và trần gian
	Con sông rộng	3	Thử thách hồi sinh
5	Con nước	2	Định vị bản làng
6	Con nước	3	Định vị bản làng
7	Con nước	1	Định vị bản làng
	Sông không bờ	3	Định vị lãnh địa các tộc
8	Con nước	2	Định vị bản làng
	Con nước tràn bờ	1	Định vị lãnh địa các tộc
9	Con nước/ con nước khe/ con khe rộng	20	Định vị bản làng

Chú thích:

* (T): số thứ tự và tên truyện

* (n): số lần xuất hiện trong truyện

* Tên các truyện được khảo sát theo thứ tự lần lượt là:

1. Nguồn gốc loài người
2. Truyền thuyết Dakrong
3. Vì đâu có tục cưa răng
4. Vì sao người sống không còn thăm người chết được nữa
5. Niềng Cằm hay Niềng Độc Khảm
6. Hai anh em mồ côi
7. Anh Ku Kây
8. Thầy mo ngữi
9. Anh Ra - xít

** Từ đây về sau, các bảng 2, 3, 4 được lập theo quy ước của chú thích này.

Khi điểm dừng tạo ra vị trí tương đối của tộc so với không - thời gian, thế giới quan, như là một hình dung/ lựa chọn sống, trở thành một thành tố của không gian xã hội [5]. Có một định mệnh Bru - Vân Kiều đã hiện diện trong cuộc hủy diệt và sáng tạo vĩ đại của trận lụt càn khôn (*Nguồn gốc loài người*). Nước đọng lại trong tâm hồn tộc người nổi khiếp sợ ám ảnh dằng dặt và sự quỵ rũ mê đắm bất tận. Từ đây, theo *con nước*, người Bru - Vân tìm kiếm, phân định và tạo dựng không gian cư trú của các bản làng.

Mô hình không gian cộng đồng Bru - Vân Kiều hoặc trải dài theo dòng nước, hoặc khu trú theo cụm với trục vuông góc với trục dòng nước. Trước là phân bố lãnh địa của các bản (*Thầy mo ngữi*, *Niềng Cằm hay Niềng Độc Khảm*), sau là sự phân bố khu vực của các gia đình trong cùng một bản. Khi đó, không gian sống cùng rẫy nương của mỗi bản/ hay mỗi gia đình trong bản hoặc tựa theo triền *con nước* với bên nước riêng

(*Niềng Cằm hay Niềng Độc Khảm*), hoặc đầu bản tính từ *con nước*/ phía gần *con nước*, càng về cuối bản càng đi xa *con nước* (*Anh Ra - xít*, *Anh Ku Kây*).

Bản ở đầu *con nước* thường là cộng đồng có quyền lực ma thuật/ chiêm trờ ma thuật (*Thầy mo ngữi*, *Hai anh em mồ côi*); bản ở cuối *con nước* thường là cộng đồng giàu có với nhiều lợn, nhiều voi, nhiều ruộng nương, áo váy (*Thầy mo ngữi*, *Niềng Cằm hay Niềng Độc Khảm*). Theo trục vuông góc với *con nước*, càng đi xa *con nước*, dấu hiệu của phép thuật và sự giàu có càng mờ nhạt, tổ chức bản làng dần trở nên lỏng lẻo (*Vì đâu có tục cưa răng*), thậm chí rời rạc (*Hai anh em mồ côi*).

Theo Mai Văn Tấn, trong cấu trúc xã hội của một bản làng Bru - Vân Kiều, người Suất là một người già, có thể là người dẫn đường dân bản đến nơi cư trú đầu tiên, đảm nhiệm các hoạt động nghi lễ, cúng ma, cúng Giàng, cúng lúa, cầu mưa... [10]. Tuy nhiên, thế giới truyện cổ chỉ để lại những dấu vết khá mờ về người Suất của họ. Nhân vật

đặc biệt ấn tượng là a-nha, người tài trí, đức độ (trong lí tưởng của người Bru - Vân Kiều); giàu có, uy tín, mang quyền năng của Giàng, bao giờ cũng chiếm giữ vị trí đầu nguồn so với dân bản. Nếu bản làng cư trú theo cấu trúc dọc *con nước*, a-nha ở về phía đầu nguồn (rẫy nương có thể phân bố khắp nơi); nếu bản làng cư trú theo trục vuông góc với *con nước*, a-nha ở về phía đầu bản, tức vị trí gần nhất so với *con nước*.

Như vậy, *con nước* mang năng lực kiến tạo, cấu trúc và nuôi dưỡng không gian xã hội Bru - Vân Kiều; mang sức mạnh ma thuật vừa bảo vệ, vừa hủy diệt, vừa tái sinh đời sống. Theo *con nước*, cộng đồng phân chia, xác nhận và tuân thủ quyền lực xã hội. Đó là lõi cấu trúc tinh thần/ văn hóa (ý tưởng của Gustave Le Bon, 2015) kéo không gian khép vòng và vận hành theo những quy ước tộc người.

4. Rừng đại ngàn - biên khép vòng thế giới Bru - Vân Kiều

Khi thế giới Bru - Vân Kiều trở thành một cấu trúc tự thân, nơi xa nhất trong vùng không gian đó bao giờ cũng là những cánh rừng. Hẳn là, địa hình tự nhiên không hề có sự phân bố một cách cơ học, rạch ròi. Theo ý của Jacques Dournes, vẫn có rừng xen đan trong không gian sống/ hay không gian sống xen đan trong rừng [7], từ vùng tâm đến vùng ngoại biên. Song truyện cổ Bru - Vân Kiều đã nhấn mạnh một thiết kế tinh thần về không gian, trong đó, vùng biên thế giới của họ là rừng. Đi vào rừng là để đi đến một nơi *khác*, ngoài mọi hình dung của tộc người. Không gian tộc người dừng lại tại vùng biên, tại rừng, và khép vòng tạo nên một tổ chức bền vững, khu biệt. Tại vùng biên, những dấu vết trầm động của tinh thần, của văn hóa kết dính chặt chẽ, giữ mình dưới những tầng rừng, để bảo vệ thế giới bên trong nó. Xin xem Bảng 2 về chức năng của rừng.

Bảng 2. Rừng trong truyện cổ Bru - Vân Kiều

(T)	Chức năng	(n)	(i)
1	Môi trường sống	3	Tiếp nối, xen lẫn
	Hộp mật muôn loài	1	Không rõ ràng
	Sinh kế	1	Tiếp nối, xen lẫn
2	Cho gỗ; vùng biên của không gian tộc người	2	Bao bọc
3		0	
4	Ma thuật	1	Không rõ ràng
5	Cảnh quan	1	Xen lẫn
6	Cảnh quan	3	Tiếp nối, xen lẫn
	Sinh kế	2	
	Ma thuật; vùng biên của không gian tộc người	9	
7	Sinh kế	3	Ven con nước
	Cảnh quan	4	
	Vùng biên của không gian tộc người	3	
8	Cảnh quan; cho gỗ	2	Xen lẫn
	Ma thuật; vùng biên của không gian tộc người	5	Bao bọc
9	Cảnh quan	6	Xen lẫn
	Sinh kế	9	
	Ma thuật; cho thuốc chữa bệnh	2	
	Vùng biên của không gian tộc người	3	

Chú thích:

* (i): Vị trí tương đối của rừng so với *con nước*

Nếu *con nước* chế ngự lòng tôn quý của tộc người thì rừng ám thị quyền năng ma thuật. Rừng với những câu chuyện thần bí, những logic đứt gãy, những năng lực *khác*, trở thành thế giới của ma mị và phép thuật. Có mạnh mẽ so với đời sống tộc người, vì thế, những logic vốn đã bị gấp khúc càng phai mờ đi, tự che phủ lên mình màn sương huyền ảo dày đặc. Rừng trở nên bí mật, và trở thành âu lo. Rừng là hình dung về thế giới ma lai, thế giới nhắc hiềm nguy và tàn bạo (*Hai anh em*

những khu rừng ma Bru - Vân Kiều là nơi lưu giữ linh hồn con người sau khi chết (*Vì sao người sống không còn thăm người chết được nữa*). Có những khu rừng tiệp cận ngoại biên, càng tiệp cận càng chịu sự đứt gãy *mở cõi*; rừng lại là cõi thiêng cho những cuộc hẹn với thần linh, cho con người xin được bắt phép ma, phép Giàng (*Thầy mo người*). Có thể, những khu rừng xa, ở vùng ngoại vi, ít có mối níu buộc, liên đới với đời sống tộc người; nên với họ, những khu rừng ấy xa lạ hơn, bí

mật hơn, linh thiêng hơn và cũng đáng sợ hơn (Jacques Dournes, 2006). Những huyền thoại được thêu dệt về vùng biên vì thế đã cuốn hút vào đó tư duy ma thuật và mộng mị.

Lại có những cánh rừng sống xen cùng bản làng, sống xen cùng những người Bru - Vân Kiều, như là nơi trở về, như là nơi nương náu của tộc người trong mọi gian nguy. Người ta khổ đau, người ta vào rừng (*Anh Ra - xít*); người ta đi lang thang, người ta vào rừng (*Niềng Cầm hay Niềng Độc Khảm*); người ta bị đuổi/ bị chối bỏ, vào rừng (*Hai anh em mồ côi*); người ta không có cái ăn, không có củi đun, cũng vào rừng (*Anh Ku Kây*). Mặc dù so với những khu rừng trù phú ở Tây Nguyên, những cánh rừng nhỏ, lẫn xen trong không gian cư trú, ở phía Trường Sơn Bắc cần cỗi hơn, thưa thớt hơn, vì thế quang đãng hơn, ít cái ăn hơn, ít mộng mơ hơn, nhưng cũng đủ sức chở che cho định mệnh tộc người.

Rừng khép biên với quyền năng cội nguồn và ma thuật mạnh mẽ ngăn giữ con người ở lại bên trong thế giới của nó, bảo vệ có, và hù dọa cũng có. Thế giới này thuộc về những cánh rừng, nhưng con người đã “ăn rừng” để sống, để lớn lên; đã đẩy rừng ra xa, tạo thành vùng biên qua nhiều gấp khúc [5].

5. Vùng đệm - đồi cao, núi thấp, rẫy, nương, khe, vực, lèn, suối

Sở dĩ cần phải nhấn mạnh cấu trúc không gian tộc người với biên rừng khép vòng thế giới Bru - Vân Kiều là để tạo được hình dung về những quãng quang rặng, trong đó, có thể tìm thấy những thành tố khác thuộc về không gian xã hội. Đó là vùng đệm với những đồi cao, núi thấp, với rẫy nương, khe vực, lèn, suối, nơi con người miệt mài đi tìm kế sinh nhai và đeo đuổi sự sống. Xin xem Bảng 3 về minh chứng và diễn giải về vùng đệm.

Bảng 3. Vùng đệm trong truyền cổ Bru - Vân Kiều

(T)	Yếu tố	(n)	Chức năng	(i)
1	Núi	4	Môi trường sống, sinh kế	Tiếp nối, xen lẫn
		1	Đất tở	

Nếu núi đồi là đất mẹ của những cánh rừng thì rẫy nương là những đứa con đã tách lòng rừng mà khôn lớn. Theo Dournes, cuộc sống của các tộc du canh đã mượn đất của rừng để làm nương rẫy, khi rời đi, họ lại trả đất về rừng [7]. Rừng với sức mạnh sáng tạo/ hủy diệt sẽ tự

	Khe, suối	6	Sinh kế	Không rõ ràng	
	Đồi	3	Cảnh quan	Tiếp nối, xen lẫn	
	Nương, rẫy	2	Sinh kế		
2	Núi	6	Môi trường sống	Xen lẫn	
		6	Cho gỗ		
		3	Cảnh quan		
	Khe, suối	1	Tắm gội	Không rõ ràng	
	Nương, rẫy	3	Sinh kế		
3	Núi, đồi	8	Cảnh quan	Bên cạnh	
	Khe	1	Cảnh quan	Không rõ ràng	
4	Nương, rẫy	2	Sinh kế	Không rõ ràng	
	Núi, hang	4	Cảnh quan		
	Suối	1	Cảnh quan		
5	Nương, rẫy	6	Sinh kế	Không rõ ràng	
		Núi, đồi	2	Cảnh quan	
		Khe, suối	3	Cảnh quan	
		3	Nguồn nước		
		4	Nơi nguy hiểm		
6	Đồi, núi	4	Cảnh quan	Nối tiếp, xen lẫn	
		1	Sinh kế		
		3	Trú ẩn		
	Khe, suối	3	Cảnh quan	Không rõ ràng	
7	Núi, đồi	3	Cảnh quan	Ven con nước, hoặc xa hơn	
		1	Sinh kế		
	Nương, rẫy	3	Sinh kế		
8	Nương, rẫy	6	Sinh kế	Ven con nước, hoặc xa hơn	
		Núi, đồi	5	Cảnh quan	
		3	Cư trú		
9	Suối, khe	17	Cảnh quan	Phụ lưu, hoặc không rõ ràng	
		4	Sinh kế		
	Nương, rẫy	17	Sinh kế	Ven con nước, hoặc xa hơn	
	Núi, đồi	4	Sinh kế	Xen lẫn	
		18	Cảnh quan		
	1	Cư trú			

hóa kiếp. Nhưng gương rừng sau này, khi tái sinh, phảng phất hương vị của tộc người đã từng đi qua nó.

Khi *con nước* là dòng trôi mãnh liệt của quyền năng và sự ngưỡng vọng thì suối, khe là mạch nguồn lặng lẽ, tưới tắm, nuôi lớn những thâm rừng, những thảo mộc,

những tâm hồn và những cuộc sống trong thế giới Bru - Vân Kiều. Bằng dòng chảy mỏng manh của mình, nó cũng đủ sức cuốn đi những ưu phiền, trần trở (*Vì sao có tục cưa răng, Anh Ra - xít*); để mang yên lành và sạch trong dành tặng cho xứ sở.

Như vậy, vùng đệm là quãng không gian mà con người tương đối chủ động trong các hoạt động tương tác với thế giới tự nhiên; là phần sẽ chia bao dung của đất, của rừng, của nước, của trời dành cho tộc người đã nương nhờ định mệnh mình trong lòng nó.

6. Trường nhiều không gian - Mường Lộc, Mường Lùm

Trường nhiều không gian được xác định là nơi bắt đầu hiện tượng rò rỉ năng lượng và thông tin, tức bắt sóng kết nối và những hệ quả của nó. Nếu rừng thuộc về thế giới Bru - Vân Kiều thì *vùng nhiều* là vùng không gian kề cận ngay bên ngoài phạm vi không gian tộc người, tức tiếp giáp ngoài với những khu rừng ngoại biên.

Trong truyện cổ Bru - Vân Kiều, đây là vùng không gian mờ và không rõ ràng (Bảng 4). Ngay điểm mờ này cũng là một diễn giải về bản chất của *vùng nhiều*. Điều này liên quan đến vấn đề niên đại của lịch sử cư trú tộc người và niên đại của các truyện cổ, cần phải có một nghiên cứu khác triển khai và giải quyết. Tuy nhiên, có thể xác định, vùng Mường Lộc và Mường Lùm, theo những truyện cổ, nằm ngoài không gian Bru - Vân Kiều. Mường Lùm được nhắc đến với ý nghĩa khá thống nhất để chỉ vùng đồng bằng là nơi diễn ra sự khu biệt Bru - Vân Kiều với tộc người đồng bằng/ người Kinh. Những *bức xạ* văn hóa diễn ra trước hết qua hoạt động *đi buôn xa* (*Anh Ra - xít*), hay sự xuất hiện của lái buôn ở vùng cuối *con nước tràn bờ* (*Thầy mo người*). Sự trao đổi hàng hóa như vải vóc, váy áo, chêng ché là những khởi đầu cho quá trình tiếp nhận và tái tạo các yếu tố văn hóa giữa tộc Bru - Vân Kiều với thế giới bên ngoài.

Bảng 4. *Vùng nhiều không gian trong truyện cổ Bru - Vân Kiều*

(T)	Yếu tố	(n)	Ý nghĩa	(i)
1	Mường Lùm	1	Đồng bằng	Tiếp nối, xen lẫn
2		0		
3		0		
4	Mường Lộc	5	Địa phủ	Bao bọc
	Mường Lùm	2	Trần gian	Không rõ ràng
5		0		
6		0		

7	Mường Lộc, Mường Lùm	6	Không rõ	Không rõ ràng
8	Mường Lùm/ Lào Lùm	3	Đồng bằng	Cuối con nước tràn bờ
9		0		

Việc thiết kế một *vùng nhiều* khi khảo sát không gian tộc người Bru - Vân Kiều, mặc dù còn nhiều vướng mắc không thể giải quyết tường tận trong bài viết này (như trường hợp Mường Lộc và Mường Lùm được nhắc đến trong *Vì sao người sống không còn thăm người chết được nữa* và *Anh Ku Kây*), nhưng thật cần thiết, để khẳng định sự kết nối của Bru - Vân Kiều với các cộng đồng kề cận, để xác lập mắc xích Bru - Vân Kiều trong mạng lưới tộc người, để thế giới Bru - Vân Kiều không đơn độc trên hành trình định mệnh.

7. Kết luận

Như vậy, thế giới Bru - Vân Kiều khép vòng trong những cánh rừng nguồn cội, vận hành theo quyền năng kiến tạo của *con nước* là một nếp gấp không gian chịu sức hút của căn cước tộc người. Thế giới ấy khép vòng nhưng không cô lập, nhờ những *bức xạ* từ *vùng nhiều* không gian. Đi vào những câu chuyện cổ cũng như cách đi vào những cánh rừng, kì thú mênh mông, ân huệ nhiều và gian nan cũng lắm. Vấn đề đặt ra trong bài viết này chỉ là một điểm dừng, mà hành trình phía trước còn dậm dài hò hẹn nhiều bất ngờ và bí mật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Arthur Zajonc (2012), *Tâm vật lý và vũ trụ luận*, NXB Văn hóa - Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Claro R. Ceniza và Romualdo E. Abulad (2005), *Nhập môn triết học*, NXB Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Tấn Đắc (2010), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Georges Condominas (1998), *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
- [5] Georges Condominas (2008), *Chúng tôi ăn rừng*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [6] Gustave Le Bon (2015), *Những quy luật tâm lý về sự tiến hóa của các dân tộc*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [7] Jacques Dournes (2006), *Rừng, Đàn bà, Điên loạn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [8] Jean Chevalier (2015), *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [9] Rachel Storm (2003), *Huyền thoại Phương Đông*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

- [10] Mai Văn Tấn sưu tầm, biên soạn và giới thiệu (1974), Truyện cổ Vân Kiều, NXB Văn hóa, Hà Nội.
- [11] Trịnh Xuân Thuận (2013), Hồn độn và hài hòa, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [12] Truyện cổ Vân Kiều (1985), NXB Văn hóa, Hà Nội.
- [13] Đặng Nghiêêm Vạn, Đặng Văn Lung, Tăng Kim Ngân tuyển chọn, giới thiệu (1986), Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, tập 2, NXB Văn học, Hà Nội.
- [14] Văn học dân gian Quảng Trị (1992), Sở Văn hóa Thông tin Thể thao Quảng Trị xuất bản, Quảng Trị.
- [15] Stephen Hawking và Leonard Mlodinow (2013), Bản thiết kế vĩ đại, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

SPACE FEATURES IN BRU - VÂN KIỀU ETHNIC GROUP'S FOLKTALES

Abstract: Folktales are significant indicators of the history and culture of an ethnic group. Researching the space features of Bru - Vân Kiều ethnic group's folktales helps to explain the way they chose to organize their life in the past. The curvature point - the tide; the circle boundary - forests and the marginal area including low mountains, high hills, milpas, ravines and chasms in company with the interference field of Mường Lộc and Mường Lùm have created the Bru - Vân Kiều world in the folktales. This is the starting point for a contrastive study in our research plan that is aimed at penetrating the changing process and sediment of the Bru - Vân Kiều group who reside at the heart of the Trường Sơn Range.

Key words: space features; Bru - Vân Kiều group's folktales; tide; forest; mountain; ravines, chasms.